

DIGITAL COMPETENCE AND DECENT EMPLOYMENT ACCESS AMONG ETHNIC MINORITY YOUTH IN VIETNAM

Luong Minh Phuong^{1*}, Ngo Thi Thanh Tung², Nguyen Thi Thanh Thuy³, Pham Thi Van²

¹VNU Vietnam Japan University, ²The Vietnam National Institute of Educational Sciences

³Ha Noi University of Science and Technology

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	01/6/2025	In the context of rapid digital transformation in Vietnam, enhancing digital competence among ethnic minority youth plays a crucial role in promoting sustainable development and ensuring equitable employment opportunities. This paper focuses on three main aspects: (1) the perceptions of ethnic minority youth regarding digital competence; (2) the factors influencing the formation and development of this competence; and (3) the role of digital competence in accessing suitable employment. Drawing on qualitative research, including 30 in-depth interviews and 9 focus group discussions conducted in the provinces of Thai Nguyen, Lao Cai, and Lai Chau with students, educators, and business representatives, the study reveals that ethnic minority youth increasingly perceive digital competence not merely as technological skills, but also as tools for social connection and civic participation. The development of digital competence is shaped by three key factors: socio-economic conditions, individual motivation, and learning environments. Furthermore, digital competence is closely linked to the ability to access appropriate employment opportunities in a digitized labor market. This paper contributes to a better understanding of the conditions necessary for strengthening digital skills among ethnic minority youth, aiming toward inclusive and sustainable development.
Revised:	28/6/2025	
Published:	28/6/2025	
KEYWORDS		
Digital competence		
Digital economy		
Decent work		
Employability		
Ethnic minority youth		

NĂNG LỰC SỐ VÀ TIẾP CẬN VIỆC LÀM PHÙ HỢP CỦA THANH NIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI VIỆT NAM

Lương Minh Phương^{1*}, Ngô Thị Thanh Tùng², Nguyễn Thị Thanh Thủy³, Phạm Thị Vân²

¹Trường Đại học Việt Nhật - ĐH Quốc gia Hà Nội, ²Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

³Đại học Bách khoa Hà Nội

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	01/6/2025	Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ tại Việt Nam, việc phát triển năng lực số cho thanh niên dân tộc thiểu số đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển bền vững, đảm bảo cơ hội việc làm công bằng. Bài báo tập trung vào ba nội dung chính: (1) nhận thức của thanh niên dân tộc thiểu số về năng lực số; (2) các yếu tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển năng lực này; (3) vai trò của năng lực số trong việc tiếp cận việc làm. Thông qua 30 cuộc phỏng vấn sâu và 9 thảo luận nhóm tại các tỉnh Thái Nguyên, Lào Cai và Lai Châu, với sinh viên, giáo viên và doanh nghiệp, kết quả nghiên cứu cho thấy: thanh niên ngày càng nhận thức rõ năng lực số không chỉ là kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn là phương tiện kết nối và tham gia xã hội. Ba yếu tố chính ảnh hưởng đến việc phát triển năng lực số gồm điều kiện kinh tế - xã hội, động lực cá nhân và môi trường học tập. Ngoài ra, năng lực số còn gắn chặt với khả năng tìm kiếm việc làm phù hợp trong bối cảnh thị trường lao động số hóa. Bài báo góp phần làm rõ những điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực số cho thanh niên dân tộc thiểu số, hướng đến phát triển toàn diện và bền vững.
Ngày hoàn thiện:	28/6/2025	
Ngày đăng:	28/6/2025	
TỪ KHÓA		
Năng lực số		
Kinh tế số		
Việc làm phù hợp		
Khả năng có việc làm		
Thanh niên dân tộc thiểu số		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12950>

* Corresponding author. Email: lm.phuong@vju.ac.vn

1. Giới thiệu

Phát triển kinh tế số đang trở thành xu thế toàn cầu với tiềm năng lớn đối với Việt Nam [1]. Chính phủ Việt Nam đã xác định chiến lược phát triển kinh tế số với mục tiêu đóng góp 30% vào GDP của quốc gia đến năm 2030 [2]. Nền kinh tế đang chuyển dịch nhanh chóng thông qua việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào các lĩnh vực như thương mại, tài chính, giáo dục và giao thông [3]. Tỷ lệ người sử dụng Internet đã đạt khoảng 79% trong năm 2024 và có tác động đến khả năng tự kinh doanh ngoài nông nghiệp lên 11,8% [4]. Tuy nhiên, quá trình số hóa cũng đặt ra thách thức lớn, đặc biệt với thanh niên dân tộc thiểu số (DTTS): mất việc do tự động hóa, thiếu chuyên gia công nghệ ở vùng khó khăn, chênh lệch tiếp cận công nghệ và giáo dục và gia tăng bất bình đẳng [5]. Trong bối cảnh đó, Quyết định 749/QĐ-TTg (2020) về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng 2030, nhấn mạnh vai trò phát triển năng lực số (NLS) - một trong những yêu cầu thiết yếu của nguồn nhân lực hiện đại. NLS bao gồm kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, xử lý và sáng tạo thông tin an toàn, phù hợp với thị trường lao động [6]. Tuy nhiên, thanh niên dân tộc thiểu số (TNDTTS) vẫn còn gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận và phát triển các năng lực này, đặc biệt do hạn chế về hạ tầng, chính sách đào tạo chưa gắn kết chặt chẽ với đặc thù vùng cao, và khoảng cách về ngôn ngữ, văn hóa [7]. Đồng thời, nghiên cứu về chuyển đổi số tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng chỉ ra sự lệch pha giữa chương trình đào tạo hiện hành và yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh số hóa nhanh, dẫn đến tình trạng nguồn nhân lực không đáp ứng kịp các kỹ năng số cần thiết [8].

Tuy định nghĩa và tiêu chí của NLS đã được nêu rõ trong Thông tư quy định khung năng lực cho người học [9] và nhiều nghiên cứu, nhưng vẫn thiếu những phân tích từ góc nhìn xã hội, đặc biệt về cách TNDTTS hiểu, phát triển và ứng dụng NLS trong việc tiếp cận việc làm. Bài báo này nhằm lấp đầy khoảng trống đó thông qua việc trả lời ba câu hỏi: (1) NLS được TNDTTS hiểu như thế nào? (2) Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quá trình phát triển NLS của TNDTTS? (3) NLS góp phần vào việc tiếp cận việc làm phù hợp như thế nào?

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu định tính dạng tự sự. Theo đó, bài báo đi sâu vào khai thác trải nghiệm cá nhân thông qua câu chuyện do người tham gia cung cấp thông tin chia sẻ bằng phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với sinh viên (SV) (đang học và đã tốt nghiệp, độ tuổi 16-25), giáo viên (GV) và chủ doanh nghiệp tại ba tỉnh: Lai Châu, Lào Cai và Thái Nguyên (Bảng 1). Các cuộc trao đổi diễn ra bằng tiếng Việt, kéo dài 60-90 phút, được ghi âm với sự đồng thuận tự nguyện của người tham gia. Dữ liệu được mã hoá nhằm bảo đảm tính bảo mật và thuận tiện cho phân tích, sau đó xử lý bằng phần mềm NVivo 12. Phân tích nội dung làm nổi bật ba nhóm mã chính: (1) Nhận thức của TNDTTS về NLS; (2) Vai trò của NLS trong tiếp cận việc làm; (3) Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển NLS của nhóm này [10]. Đây là ba danh mục mã hoá (pattern codes) được sử dụng để mã hoá các tệp biên bản phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

Bảng 1. Mẫu thu thập thông tin định tính 2022-2024

Thành phần cung cấp thông tin	Số lượng phỏng vấn sâu	Số lượng nhóm thảo luận	Ghi chú
SV đang học	12	3	- SV thuộc nhóm dân tộc Mông, Dao, Thái, Tày, Giáy, Mường - 6 SV/nhóm thảo luận
SV đã tốt nghiệp đi làm	6	3	- Thanh niên thuộc nhóm dân tộc Mông, Dao, Thái, Tày, Giáy, Lự, Nùng, Pu Béo. - 6 SV/nhóm thảo luận
GV	6	3	- 5 GV/nhóm thảo luận - GV 100% là người Kinh
Chủ doanh nghiệp	6		100% là người Kinh

Để đảm bảo độ tin cậy và tính chính xác, biên bản phỏng vấn được gửi lại cho người tham gia nhằm bổ sung hoặc chỉnh sửa thông tin, đồng thời họ có quyền yêu cầu loại bỏ nội dung nhạy cảm dù dữ liệu đã được mã hóa nhằm bảo mật danh tính. Ngoài ra, nghiên cứu tổ chức hội thảo

tham vấn với các bên liên quan nhằm rà soát và xác thực kết quả, tăng cường độ tin cậy của dữ liệu định tính.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Một số vấn đề lý luận

Trong bối cảnh nền kinh tế số tại Việt Nam đang có những bước phát triển vượt bậc, NLS nổi lên như một yếu tố then chốt giúp thế hệ trẻ, đặc biệt là nhóm TNDTTS, có cơ hội tham gia thị trường lao động. NLS được định nghĩa là năng lực vận dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách hiệu quả nhằm giải quyết vấn đề, tạo dựng giá trị và tương tác thuận lợi trong môi trường kỹ thuật số. Dựa trên nghiên cứu của Tiwow và cộng sự [11], NLS không chỉ giới hạn ở kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn bao hàm năng lực tư duy phản biện, kỹ năng quản lý thông tin và khả năng giao tiếp trong không gian số.

Việc TNDTTS có thể tiếp cận được các cơ hội việc làm phù hợp được coi là yếu tố nền tảng quyết định tương lai của họ. Một vị trí việc làm ổn định không chỉ mang lại thu nhập mà còn đóng góp đáng kể vào sự phát triển bản thân, củng cố sự tự tin và khuyến khích sự tham gia tích cực của thanh niên vào đời sống xã hội [2]. Các công trình nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng, các yếu tố như trình độ giáo dục, điều kiện sống, các chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước, cùng với mức độ phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ tại các khu vực dân tộc thiểu số, là những nhân tố có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành NLS và khả năng tiếp cận việc làm phù hợp của TNDTTS [1], [12].

Trước bối cảnh chuyển đổi số sâu rộng, NLS đang dần trở thành một bộ kỹ năng không thể thiếu để thanh niên có thể hòa nhập vào thị trường lao động đương đại. Năm bắt được xu thế này, nhiều sáng kiến và chương trình đào tạo về kỹ năng số đã được triển khai nhằm hỗ trợ TNDTTS cải thiện cơ hội tiếp cận các việc làm phù hợp. Chẳng hạn, chương trình "Empower Her Tech" được Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNDP) triển khai, đã trang bị kiến thức về trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số tiên tiến cho đối tượng phụ nữ trẻ, bao gồm cả những người thuộc các dân tộc thiểu số, với mục tiêu gia tăng hiệu quả làm việc cá nhân và nâng cao năng lực kinh doanh của họ [13]. Hơn nữa, trong Chiến lược Phát triển Thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021–2030, được ban hành theo Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021, việc phát triển năng lực số được nhấn mạnh là một trong những giải pháp mang tính chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của thanh niên, đặc biệt là nhóm thanh niên dân tộc thiểu số, trong bối cảnh thị trường lao động đang trải qua những biến đổi nhanh chóng.

Những sáng kiến này minh họa rõ ràng vai trò then chốt của NLS trong việc cải thiện khả năng tiếp cận việc làm và cải thiện chất lượng cuộc sống cho TNDTTS. Do đó, nghiên cứu sâu rộng về nhận thức, ảnh hưởng của các yếu tố và vai trò của NLS trong việc tiếp cận việc làm trong nhóm này là rất cần thiết. Nghiên cứu có thể cung cấp một cơ sở lý thuyết quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi triển khai mạnh mẽ ở Việt Nam, đề xuất các giải pháp thực tế để thúc đẩy sự bình đẳng của cơ hội và phát triển bền vững.

3.2. Kết quả khảo sát

Những người tham gia nghiên cứu đều có chung ý kiến rằng NLS là năng lực quan trọng trong thế kỷ 21, đặc biệt là sau đại dịch COVID-19, khi vai trò của NLS trong giao tiếp và tiếp cận việc làm trở nên ngày càng rõ nét. Nhận thức về NLS trong thanh niên, đặc biệt TNDTTS, rất đa dạng và có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình phát triển khả năng tìm kiếm việc làm phù hợp. Tuy nhiên, điều kiện để phát triển NLS tại các vùng khó khăn vẫn còn nhiều hạn chế, khiến TNDTTS gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp cận việc làm, đặc biệt là tại các doanh nghiệp, tổ chức ở đô thị - nơi yêu cầu trình độ NLS ngày càng cao.

3.2.1. Nhận thức của thanh niên dân tộc thiểu số về năng lực số

Qua các phỏng vấn sâu, phần lớn TNDTTS cho rằng NLS đơn giản là khả năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh, sử dụng Internet và mạng xã hội. Một số ít thanh niên theo học ở

trường cao đẳng nghề trong nghiên cứu nhận thức NLS là khả năng ứng dụng công nghệ vào học tập, làm việc và đời sống hàng ngày. Trong khi đó, thanh niên dân tộc ở Lai Châu có cách hiểu mở rộng hơn, xem NLS là khả năng kết nối xã hội thông qua công nghệ, góp phần thúc đẩy sự hoà nhập và công bằng trong xã hội – cả trong nước và quốc tế. Một số thanh niên khác lại cho rằng NLS liên quan tới việc sử dụng xã hội để giải trí và tìm kiếm thông tin hỗ trợ giải quyết các vấn đề cuộc sống. Một sinh viên dân tộc Giáy năm thứ ba tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai chia sẻ: *“NLS giúp em sử dụng máy tính, điện thoại thông minh có Internet để tìm việc, tra cứu cách chăm sóc cây trồng, vật nuôi. Trong đợt COVID-19, chúng em thường đặt mua hàng online, thậm chí bán hàng như hoa quả, măng sặt... qua Facebook để hỗ trợ gia đình khi việc đi lại bị hạn chế.”*

Nhìn chung, nhận thức về NLS của TNDTTS chủ yếu xoay quanh ba nhóm năng lực: sử dụng thiết bị và phần mềm, xử lý thông tin và dữ liệu, và giao tiếp, giải quyết vấn đề trong cuộc sống. Những nội dung này tương ứng với các nhóm năng lực được nêu trong khung NLS châu Âu DigComp 2.0 [7] và khung NLS toàn cầu [6]. Dù một số thanh niên đã bước đầu liên hệ NLS với khả năng tìm kiếm việc làm và kết nối với nhà tuyển dụng, phần lớn vẫn chưa nhận thức đầy đủ rằng NLS còn bao gồm các kỹ năng nghề nghiệp chuyên biệt, như lựa chọn công cụ phù hợp với công việc hoặc đánh giá và khai thác dữ liệu chuyên sâu trong từng lĩnh vực nghề nghiệp [7].

Đáng chú ý, một bộ phận thanh niên có kinh nghiệm bán hàng trực tuyến đã bắt đầu nhận diện được những rủi ro liên quan đến an toàn và bảo mật trong môi trường số. Một SV dân tộc Mông (25 tuổi), hiện công tác tại Ủy ban nhân dân xã Khun Há (Lai Châu), chia sẻ: *“Ở vùng sâu như quê em, mọi người đều biết dùng điện thoại thông minh để bán hàng như thảo quả, sâm đất, sa nhân qua Facebook, Zalo; phụ nữ cũng mua sắm online. Tuy nhiên, nhiều người gặp rủi ro như mua phải hàng giả hoặc bị lừa sang Trung Quốc qua các lời mời việc làm hấp dẫn.”*

Các quan sát cho thấy, dù TNDTTS ở vùng sâu bước đầu ứng dụng công nghệ số vào đời sống và sinh kế, họ vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro do thiếu kiến thức, kỹ năng về an toàn trực tuyến. Điều này cho thấy NLS không chỉ đơn thuần là khả năng truy cập và sử dụng thiết bị, mà còn bao gồm khả năng nhận diện nguy cơ và bảo vệ bản thân trong không gian mạng – một yếu tố then chốt trong khung năng lực số DigComp 2.0 [7]. Khía cạnh này đặc biệt nhấn mạnh việc bảo vệ thông tin cá nhân, duy trì quyền riêng tư trên mạng xã hội, và phòng tránh những tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ số.

Một điểm đáng lưu ý trong cách TNDTTS hiểu về NLS là coi đây là năng lực hòa nhập trong môi trường số. Năng lực này được hiểu là khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhằm đảm bảo mọi cá nhân, đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương như đồng bào dân tộc thiểu số, đều có cơ hội tiếp cận và sử dụng công nghệ một cách bình đẳng. Cách hiểu này có sự tương đồng với các khung NLS của UNESCO [6] và Vuorikari và cộng sự [7], ở các nhóm kỹ năng như vận hành thiết bị, xử lý thông tin, giao tiếp, giải quyết vấn đề và an toàn mạng. Điểm khác biệt quan trọng là TNDTTS nhìn nhận NLS không chỉ là kỹ năng cá nhân, mà còn là công cụ thúc đẩy hòa nhập xã hội. Cụ thể, NLS được xem là khả năng sử dụng công nghệ thông tin để tham gia vào quá trình xây dựng và thực thi các chính sách, chương trình hỗ trợ cộng đồng khó khăn; đồng thời tạo lập các diễn đàn kỹ thuật số, kết nối cộng đồng và nâng cao tiếng nói của chính TNDTTS trong đời sống xã hội. Đây là cách hiểu mở rộng và sâu sắc, phản ánh mong muốn chủ động vượt qua cảm giác bị gạt ra ngoài lề xã hội và khẳng định vai trò của mình trong đời sống cộng đồng [14]. Một SV dân tộc Thái, hiện đang làm việc tại công ty phần mềm ở Thái Nguyên, chia sẻ: *“Việc chủ động tiếp cận và sử dụng công nghệ số là năng lực quan trọng giúp thanh niên dân tộc thiểu số tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp. Thay vì trông chờ sự hỗ trợ, họ cần tích cực tra cứu thông tin tuyển dụng và xây dựng mối quan hệ qua mạng xã hội để hòa nhập cộng đồng”*. Việc sử dụng công cụ số như một phương tiện để thúc đẩy hòa nhập xã hội và xây dựng các diễn đàn trực tuyến nhằm tăng cường sự tham gia của thanh niên dân tộc được xem là một khía cạnh thiết yếu của năng lực số đối với nhóm này. Đây là một cách tiếp cận mới so với các khung năng lực số phổ biến, phản ánh nhận thức của TNDTTS về vị thế và quyền lực xã hội của họ trong tương quan với nhóm đa số [14].

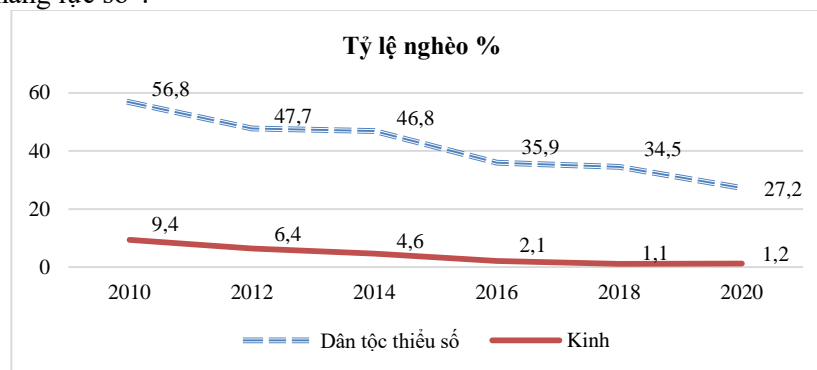
Tương đồng với các khung NLS của UNESCO [6] và DigComp 2.0 [7], nhận thức của TNDTTS bao gồm các năng lực như vận hành thiết bị, xử lý thông tin, giao tiếp, giải quyết vấn đề và đảm bảo an toàn trong không gian mạng. Tuy nhiên, điểm nhấn mới trong cách hiểu của TNDTTS là việc xem NLS như một công cụ để hoà nhập xã hội, thụ hưởng chính sách và tham gia vào các chương trình phát triển, đặc biệt hướng tới các nhóm yếu thế.

3.2.2. Yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển năng lực số của thanh niên dân tộc thiểu số

* Điều kiện kinh tế - xã hội

Khả năng tiếp cận và phát triển NLS của thanh niên chịu ảnh hưởng rõ rệt bởi các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa nơi họ sinh sống. Cụ thể, các yếu tố như hạ tầng công nghệ, thiết bị kỹ thuật, khả năng kết nối Internet và sự sẵn có của học liệu số đóng vai trò nền tảng. Thanh niên ở vùng khó khăn, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, thường gặp nhiều trở ngại hơn trong việc tiếp cận các điều kiện này. Nguyên nhân chủ yếu là do hạ tầng công nghệ còn yếu kém, dịch vụ viễn thông chưa phát triển đồng bộ và nhiều gia đình gặp khó khăn về kinh tế. Theo thống kê năm 2020, người dân tộc thiểu số chiếm tới 79% tổng số hộ nghèo trên cả nước, trong khi tỉ lệ này ở người Kinh chỉ là 21% [12]. Dù khoảng cách nghèo đói đã thu hẹp, tỉ lệ hộ nghèo trong cộng đồng dân tộc thiểu số vẫn ở mức cao, đạt 27,2% vào cùng năm (Hình 1).

Trong bối cảnh công nghệ và Internet phát triển mạnh mẽ, cùng với tác động của đại dịch COVID-19, xu hướng giao tiếp và học tập của thanh niên dân tộc thiểu số đã dịch chuyển đáng kể sang các nền tảng trực tuyến. Trước thực trạng đó, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực nhằm mở rộng hạ tầng mạng và cung cấp thiết bị học tập trực tuyến trên toàn quốc. Tính đến đầu năm 2021, khoảng 70 triệu người dân đã tiếp cận Internet [15]. Tuy nhiên, vẫn còn gần 20 triệu người, chủ yếu ở vùng khó khăn như Tây Nguyên và miền núi phía Bắc, chưa được phủ sóng đầy đủ do chi phí đầu tư cao và điều kiện địa hình phức tạp. Thực tế cho thấy, nhiều gia đình không có thiết bị học trực tuyến, trong khi các trường học lại thiếu máy tính và đội ngũ giáo viên đủ năng lực. Điều này khiến việc phát triển NLS cho thanh niên còn gặp nhiều hạn chế mặc dù đã có sự đầu tư và hỗ trợ từ Nhà nước. Một đại diện Phòng Đào tạo Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu cho biết: “Chúng tôi hiểu rằng yêu cầu công việc trong thời đại số đòi hỏi SV tốt nghiệp phải có khả năng sử dụng công nghệ, máy tính và Internet. Tuy nhiên, ở các vùng sâu vùng xa, cơ sở vật chất và trang thiết bị vẫn còn thiếu thốn, chưa kể đến việc thiếu GV đủ năng lực để hỗ trợ SV phát triển năng lực số”.



Hình 1. Tỷ lệ nghèo theo thành phần dân tộc trong tổng dân số [15]

Tóm lại, việc cung cấp các điều kiện để phát triển NLS cho TNDTTS ở cả trường học và gia đình tại các vùng khó khăn, đặc biệt vùng DTTS, vẫn còn thiếu và chưa đảm bảo chất lượng. Đây là một trở ngại lớn trong việc nâng cao NLS cho TNDTTS, khiến các em gặp khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời đại công nghệ 4.0.

* Động lực học, khả năng ngôn ngữ và thái độ của bản thân thanh niên

Các phỏng vấn cho thấy động lực chính thúc đẩy TNDTTS phát triển NLS là mong muốn đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của công việc và có được việc làm phù hợp. Ngoài ra, một số thanh niên

chia sẻ rằng việc rèn luyện NLS còn là cách để khẳng định năng lực cá nhân và mong muốn được công nhận về khả năng cũng như vị thế bình đẳng trong xã hội, đặc biệt so với các bạn thuộc dân tộc Kinh. Bên cạnh những chia sẻ từ chính TNDTTS, GV tại một số cơ sở đào tạo cho biết một bộ phận TNDTTS khá đam mê với công nghệ, đặc biệt có khả năng tự tìm tòi học hỏi những công nghệ mạng mới. Đây được xem là động lực bền vững thúc đẩy thanh niên tự phát triển NLS của mình trong bối cảnh điều kiện tiếp cận và phát triển NLS tại trường học và trong gia đình còn nhiều hạn chế. Một sinh viên người Mông năm cuối của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Thái Nguyên cho biết: *“Dù học ngành cơ khí, em bắt đầu yêu thích công nghệ sau khi làm thêm, rồi tự học lập trình, thiết kế mạng qua việc tra cứu trên mạng và cải thiện tiếng Anh bằng Google translator. Em nhận ra NLS rất quan trọng nên chủ động học thêm dù trường không dạy chuyên sâu.”* Tương tự, một sinh viên người Pu Béo, năm 2 Trường Cao đẳng Lào Cai cũng chia sẻ: *“Dù thiếu thiết bị, em vẫn cố gắng tự học công nghệ qua Internet. Điều này cho thấy thanh niên dân tộc thiểu số hoàn toàn có khả năng theo đuổi lĩnh vực này”*.

Bên cạnh điều kiện vật chất, các yếu tố như ngôn ngữ, nhận thức và thái độ cũng đóng vai trò then chốt trong việc phát triển NLS của TNDTTS. Nhiều SV chia sẻ rằng rào cản về ngôn ngữ, như việc nói ngọng, khiến họ thiếu tự tin trong giao tiếp và trong quá trình học tập. Các nghiên cứu trước đây cũng đã chỉ ra rằng đây là một rào cản đáng kể, ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng thể hiện bản thân của SV DTTS [14]. Một SV người Mông, hiện đang học năm hai tại Đại học Thái Nguyên cho biết: *“Em gặp nhiều khó khăn khi học ngành Công nghệ thông tin vì nhiều thuật ngữ khó hiểu. Chúng em nói ngọng nên ngại phát biểu vì sợ bị chê cười”*.

Nhận thức được yêu cầu công việc hiện nay, đặc biệt sau dịch COVID-19, đòi hỏi cần có NLS, hầu hết thanh niên tham gia phỏng vấn trong nghiên cứu này đều cho rằng họ cần chủ động học tập và thực hành các kỹ năng sử dụng thiết bị điện tử, phần mềm văn phòng, cũng như các nền tảng họp và hội thảo trực tuyến để đáp ứng yêu cầu công việc. Ngoài nhu cầu học tập kỹ thuật và kiến thức chuyên ngành về số, một số thanh niên cũng nhận ra tầm quan trọng của việc trang bị kỹ năng phòng ngừa rủi ro an toàn trên không gian mạng. Như một sinh viên người Dao tại Thái Nguyên chia sẻ: *“Giáo viên không chỉ nên dạy cách sử dụng công nghệ, mà còn cần trang bị cho SV khả năng đánh giá các rủi ro và nhận diện các hình thức bạo lực mạng”*.

** Môi trường học tập và điều kiện hỗ trợ phát triển năng lực số*

Môi trường học tập và các điều kiện hỗ trợ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy khả năng tự học và phát triển NLS cho TNDTTS. Một môi trường học tập tích cực, thoải mái, có hỗ trợ kỹ thuật, cùng với sự đồng hành và khuyến khích từ gia đình và cộng đồng, sẽ tạo động lực lớn cho người học. Việc xây dựng nội dung học tập cần phù hợp với đặc điểm văn hóa, bối cảnh địa phương và mức độ tiếp cận của học sinh/SV DTTS. Đặc biệt, để khắc phục rào cản ngôn ngữ, các chương trình giảng dạy cần được thiết kế đơn giản, dễ hiểu nhằm gia tăng cơ hội tham gia và thể hiện bản thân của SV. Một đại diện lãnh đạo Trường Cao đẳng Lào Cai cũng đưa ra nhận xét rằng: *“Hiện tại chương trình đào tạo về công nghệ tin học và máy tính ở các trường chưa thực sự phù hợp với SV DTTS. Nội dung học tập cần được điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm học tập của SV và điều kiện triển khai thực tế tại nhà trường. Bên cạnh đó, phương pháp dạy học cũng cần thúc đẩy sự tham gia và phối hợp tích cực của SV trong lớp học”*.

Đề tạo điều kiện thuận lợi hơn cho TNDTTS phát triển NLS, các đề xuất bao gồm việc xây dựng mạng lưới chia sẻ và học hỏi giữa SV, cũng như tăng cường kết nối SV với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số. Những kết nối này giúp thanh niên có cơ hội thực hành và tiếp cận môi trường làm việc thực tế; từ đó góp phần hình thành một môi trường học tập năng động, gắn với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

3.2.3. Năng lực số và khả năng có được việc làm phù hợp cho thanh niên dân tộc thiểu số

NLS ngày càng trở nên quan trọng trong quá trình tìm kiếm và duy trì việc làm, đồng thời là điều kiện thiết yếu để thanh niên thích ứng với thị trường lao động hiện tại và tương lai [16]. Kết quả phỏng vấn cho thấy TNDTTS có NLS tốt không chỉ dễ dàng tìm việc hơn, mà còn có khả

năng tiếp cận được những công việc phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân. Cụ thể, NLS hỗ trợ TNDTTS ở nhiều khâu trong quá trình xin việc, từ tìm kiếm thông tin tuyển dụng, chuẩn bị hồ sơ xin việc đến thực hành phỏng vấn. Trong suốt quá trình này, NLS giúp TNDTTS nâng cao năng lực làm việc thông qua tự học và tận dụng các mạng lưới học hỏi trực tuyến. Ví dụ:

Tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp: TNDTTS có thể sử dụng Google, các trang tuyển dụng như Vietnamworks, timviec365, vieclam24h... và mạng xã hội để tra cứu và đánh giá cơ hội việc làm. Nhiều bạn biết cách chọn lọc thông tin, kiểm tra uy tín doanh nghiệp và tận dụng mạng lưới bạn bè để tìm hiểu mức độ phù hợp của công việc. Một sinh viên người Thái chia sẻ: “*Khi chuẩn bị tốt nghiệp, em tìm việc qua Google, careerbuilder.vn, 123job.vn... Em chọn lọc công ty phù hợp và nộp hồ sơ. Cuối cùng em được nhận vào một công ty tư nhân ở Thái Nguyên*”.

Chuẩn bị hồ sơ xin việc phù hợp: Nhiều thanh niên dân tộc thiểu số tại Lào Cai và Thái Nguyên đã chủ động sử dụng Internet để chuẩn bị hồ sơ xin việc. Các em tìm kiếm mẫu sơ yếu lý lịch, thư xin việc trên Google, đồng thời, học hỏi kinh nghiệm từ các anh chị khoá trước qua các nền tảng như Facebook và Zalo. Một số còn tìm đến các khoá học trực tuyến, video hướng dẫn phỏng vấn, nhờ đó tự tin hơn khi hoàn thiện hồ sơ xin việc dù vẫn gặp rào cản về ngôn ngữ và thủ tục. Một số SV chủ động liên hệ với cán bộ công ty từng tham gia ngày hội việc làm hoặc kết nối với cựu SV để tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp. Tuy vậy, phần lớn vẫn còn e ngại tiếp xúc trực tiếp vì lo ngại làm phiền hoặc sợ bị đánh giá nếu gây thất vọng. Dù nhiều TNDTTS đã bắt đầu tiếp cận thông tin việc làm qua mạng và qua người quen nhưng chỉ khoảng 5% thực sự chủ động chuẩn bị thi tuyển. Đa số vẫn lựa chọn về quê khởi nghiệp, xin việc nhờ người quen, hoặc đi làm công nhân tại các khu công nghiệp ở Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Bình Dương, v.v. Quan sát cho thấy, năng lực giao tiếp và sự tự tin là những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến khả năng chủ động tìm kiếm và tạo dựng cơ hội việc làm của TNDTTS. Rào cản tâm lý như sự rụt rè và thiếu tự tin trong giao tiếp xã hội là thách thức lớn đối với TNDTTS. Nghiên cứu của Lương Minh Phương và Wolfgang Nieke [14] cũng đã nhấn mạnh vấn đề này, cho thấy giao tiếp xã hội là một trở ngại đáng kể trong nhóm đối tượng này.

Việc điều chỉnh năng lực làm việc để phù hợp với yêu cầu của các việc làm mới nổi là điều cần thiết. Trước bối cảnh các giải pháp công nghệ phát triển mạnh mẽ, nhiều cơ hội việc làm mới đang mở ra trong các lĩnh vực như lập trình, thiết kế web và phân tích dữ liệu. Ngay cả những công việc truyền thống như marketing cũng đang chuyển dần sang nền tảng số. Để có thể thích ứng và thành công trong nền kinh tế số, TNDTTS cần được trang bị NLS vững chắc. Trên thực tế, một bộ phận TNDTTS đang tích cực tham gia vào quá trình tự học, sử dụng mạng xã hội, học hỏi từ bạn bè và khai thác các công cụ kỹ thuật số như Google Drive hoặc phần mềm quản lý thông tin chuyên dụng để phục vụ công việc. Điều này cho thấy tiềm năng và sự chủ động ngày càng gia tăng trong việc nâng cao năng lực đáp ứng với thị trường lao động số.

Công nghệ thay đổi nhanh chóng, kéo theo sự chuyển dịch trong cơ cấu và yêu cầu của thị trường lao động. NLS vì vậy trở thành yếu tố thiết yếu, giúp người lao động làm việc hiệu quả, duy trì kết nối, đồng thời đảm bảo an toàn trong môi trường số. Người lao động không chỉ cần thành thạo kỹ năng công nghệ mà còn cần phát triển kỹ năng nhận thức và kỹ năng xã hội để thích ứng với sự biến đổi này.

Trong lĩnh vực du lịch - khách sạn, nhu cầu về NLS càng trở nên rõ nét. Như chia sẻ của chủ khách sạn Putaleng tại Tam Đường (Lai Châu): “*TNDTTS cần biết sử dụng thiết bị, phần mềm quản lý thông tin, công cụ quảng bá và bán sản phẩm du lịch một cách chuyên nghiệp, đồng thời đảm bảo an toàn dữ liệu và an ninh mạng*”. Tuy nhiên, thực tế cho thấy số lượng TNDTTS có đủ NLS để tiếp cận các cơ hội việc làm trong nền kinh tế số vẫn còn rất hạn chế. Trong 54 SV được khảo sát, chỉ có 2 người làm công việc liên quan đến công nghệ số. Nguyên nhân chính đến từ điều kiện kinh tế khó khăn, ít sinh viên lựa chọn ngành công nghệ số, cũng như sự thiếu phù hợp giữa chương trình đào tạo và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

4. Kết luận

Trong bối cảnh kinh tế số ngày càng phát triển, việc sở hữu NLS trở thành yêu cầu thiết yếu giúp người lao động tiếp cận các cơ hội việc làm phù hợp [12]. Mặc dù TNDTTS đã nhận thức được tầm quan trọng của NLS, quá trình nâng cao năng lực này vẫn gặp nhiều rào cản, bắt nguồn từ điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường học tập và hệ thống hỗ trợ còn hạn chế.

Nghiên cứu này dù quy mô khiêm tốn, là một trong số ít công trình tập trung khảo sát mối quan hệ giữa NLS và cơ hội tiếp cận việc làm cho nhóm TNDTTS.

Trong khi đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến NLS, các phân tích từ góc nhìn xã hội, đặc biệt về cách TNDTTS hiểu, phát triển và ứng dụng NLS vào thực tiễn tìm kiếm việc làm vẫn còn hạn chế. Để bổ sung vào khoảng trống này, bài báo nghiên cứu của nhóm tác giả đóng góp ba điểm mới quan trọng. Thứ nhất, về mặt lý thuyết, nghiên cứu cho thấy thanh niên dân tộc thiểu số không chỉ xem năng lực số là kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn là công cụ để kết nối với xã hội và tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Thứ hai, nghiên cứu xây dựng được một khung phân tích rõ ràng gồm ba nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển năng lực số của TNDTTS: điều kiện kinh tế – xã hội, động lực cá nhân và rào cản ngôn ngữ, cùng với môi trường học tập và sự hỗ trợ xung quanh. Thứ ba, dù là một nghiên cứu thăm dò, bài viết đã chỉ ra nhiều khó khăn thực tế mà TNDTTS gặp phải, làm cơ sở thực tiễn để các nhà làm chính sách và các bên liên quan xây dựng các giải pháp hỗ trợ phù hợp để giúp TNDTTS nâng cao năng lực số và tăng cơ hội tiếp cận việc làm trong bối cảnh kinh tế số hiện nay.

Tuy nhiên, với tính chất là một nghiên cứu thăm dò, kết quả của bài viết này chỉ mang tính gợi mở. Để xây dựng các chính sách và chương trình can thiệp hiệu quả, cần có thêm các nghiên cứu chuyên sâu, tập trung vào việc lượng hóa năng lực số của TNDTTS và làm rõ những rào cản cụ thể họ gặp phải trong quá trình tìm kiếm việc làm. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để thiết kế các giải pháp hỗ trợ phù hợp, góp phần nâng cao khả năng hòa nhập thị trường lao động và tăng cường đóng góp của TNDTTS vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. H. Nguyen, "Digital education to improve the quality of human resources implementing digital transformation in the context of industrial revolution 4.0," *Journal of Management, Innovation and Technologies*, vol. 11, no. 3, pp. 311-323, 2021, doi: 10.47059/revistageintec. v11i3.1940.
- [2] T. D. Nguyen, M. T. Nguyen, and N. M. Le, "Digital transformation meets national development requirements," *Linguistics and Culture Review*, vol. 5, no. S2, pp. 892-905, 2021.
- [3] A. Cameron, T. H. Pham, J. Atherton, D. H. Nguyen, T. P. Nguyen, S. T. Tran, T. N. Nguyen, H. Y. Trinh, and S. Hajkowicz, "Vietnam's future digital economy – Towards 2030 and 2045: Summary report," *CSIRO*, Brisbane, 2019. [Online]. Available: https://data.opendevelopmentmekong.net/library_record/vietname-s-future-digital-economy-towards-2030-and-2045. [Accessed May 26, 2025].
- [4] T. T. Vu, T. T. Vo, and C. V. Le, "The Impact of Internet Usage on the Labor Market in Vietnam," in *Partial Identification in Econometrics and Related Topics. Studies in Systems, Decision and Control*, N. T. Nguyen, D. T. Nguyen, T. H. Doan, and V. Kreinovich (eds), vol. 531. Springer, Cham, 2024, doi: 10.1007/978-3-031-59110-5_41.
- [5] A. Pham and P. Mukhopadhaya, "Multidimensional poverty and the role of social capital in poverty alleviation among ethnic groups in rural Vietnam: A multilevel analysis," *Social Indicators Research*, vol. 159, no. 1, pp. 281–317, 2021.
- [6] United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, "A global framework of reference on digital literacy skills for indicator 4.4.2," *UNESCO Institute for Statistics*, 2018. [Online]. Available: <https://uis.unesco.org/sites/default/files/documents/ip51-global-framework-reference-digital-literacy-skills-2018-en.pdf>. [Accessed May 26, 2025].
- [7] B. McBride, J. O'Neil, P. Nguyen, L. Dang, H. Trinh, V. Nguyen *et al.*, "Adapting and scaling a digital health intervention to improve maternal and child health among ethnic minority women in Vietnam amid the COVID-19 context: Protocol for the dMOM project," *JMIR Research Protocols*, vol. 12, 2023, Art. no. e44720.
- [8] X. Teng, Z. Wu, and F. Yang, "Research on the relationship between digital transformation and performance of SMEs," *Sustainability*, vol. 14, no. 10, pp. 1-17, 2022.

- [9] Ministry of Education and Training, "Circular No. 02/2025/TT-BGDĐT stipulating the digital competency framework for learners," dated January 24, 2025. [Online]. Available: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-02-2025-TT-BGDĐT-quy-dinh-Khung-nang-luc-so-cho-nguoi-hoc-625668.aspx>. [Accessed May 26, 2025].
- [10] U. Flick (Eds.), *The SAGE handbook of qualitative data analysis*. London: SAGE, 2014.
- [11] G. Tiwow, J. Rawis, J. Lengkong, and V. Rotty, "Strengthening the acceleration of digital transformation in developing a digital economy curriculum," *IJITE*, vol. 2, no. 3, pp. 108-117, 2023, doi: 10.62711/ijite.v2i3.130.
- [12] World Bank, "From the last mile to the next mile: 2022 Vietnam Poverty and Equity Assessment," *World Bank*, 2022. [Online]. Available: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099945004182217194/pdf/P17626100f8c0005d0b7270db2c28481e36.pdf>. [Accessed May 26, 2025].
- [13] United Nations Development Programme, "Empower Her Tech 2023: Training Program on enhancing digital skills for young female entrepreneurs," *UNDP*, 2024. [Online]. Available: <https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/empower-her-tech-2023-chuong-trinh-dao-tao-nang-cao-ky-nang-so-cho-phu-nu-tre-khoi-nghiep>. [Accessed May 26, 2025].
- [14] M. P. Luong and W. Nieke, "Minority status and schooling of the Hmong group in Vietnam," *Hmong Studies Journal*, vol. 14, pp. 1-37, 2013.
- [15] M. N. Nguyen, "Internet Usage in Vietnam - Statistics & Facts," *statista.com*, 2021. [Online]. Available: <https://www.statista.com/topics/6231/internet-usage-in-vietnam>. [Accessed May 26, 2025]
- [16] International Labour Organization, "Digital labour platforms and the future of work: Towards decent work in the online world," *ILO Office Geneva*, 2018. [Online]. Available: <https://www.ilo.org/publications/digital-labour-platforms-and-future-work-towards-decent-work-online-world>. [Accessed May 26, 2025].